|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT TP HUẾ **TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG****ĐỀ 01** | **KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 NĂM HỌC 2023 – 2024****Môn: Toán - Lớp 6****Thời gian làm bài: 90 phút.** |

 **A. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung** | **Mức độ đánh giá** | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Phân số** | Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 10% |
| Các phép tính với phân số. |  |  |  |  |  |  |  | 1 |
| **2** | **Số thập phân** | Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm. | 2 |  | 2 | 2 | 2 | 2 |  |  | 45% |
| **3** | **Các hình học cơ bản** | Điểm, đường thẳng, tia. |  | 3 |  |  |  |  |  |  | 30% |
| Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc. |  | 1 |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Một số yếu tố thống kê và xác suất** | Một số yếu tố thống kê |  |  |  | 2 |  |  |  |  | 15% |
| Một số yếu tố xác suất |  |  | 2 |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | 10 | 8 | 4 | 1 |  |
| **Tỉ lệ %** | 40% | 30% | 25% | 5% | 100% |
| **Tỉ lệ chung %** | 70% | 30% | 100% |

**B. BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Phân số** | Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm. **(TN 1)**– Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số.– Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số.– Nhận biết được số đối của một phân số. **(TN 2)**– Nhận biết được hỗn số dương.***Thông hiểu:***– So sánh được hai phân số cho trước. | 2TN(1; 2) |  |  |  |
| Các phép tính với phân số. | ***Vận dụng:***– Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn *(đơn giản, quen thuộc)* gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...).***Vận dụng cao:***– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số. **(TL 6)** |  |  |  | 1TL(6) |
| **2** | **Số thập phân** | Số thập phân và các phép tính với số thập phân.. Tỉ số và tỉ số phần trăm. | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân. **(TN 5, 6)*****Thông hiểu:***– So sánh được hai số thập phân cho trước. **(TL2.a.b) (TN 3, 4)*****Vận dụng:*** – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân.– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân. **(TN 7, 8)**– Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.– Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...). **(TL3a.b)*****Vận dụng cao:***– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm. | 2TN(5, 6) | 4TN (3,4)TL (2a,2b) | 4TN(7,8)TL (3a,3b) |  |
| **3** | **Các hình học cơ bản** | Điểm, đường thẳng, tia. | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.– Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.– Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.– Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.– Nhận biết được khái niệm tia. **(TL4.a.b.c)** | 3TL(4a,4b,4c) |  |  |  |
| Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng | ***Nhận biết:*** –Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. **(TN 9, 10)** | 2TN (9;10) |  |  |  |
| Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc. | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm). **(TL5)**– Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).– Nhận biết được khái niệm số đo góc. | 1TL (5) |  |  |  |
| **4** | **Một số yếu tố thống kê và xác suất** | Một số yếu tố thống kê | ***Nhận biết:*** – Đọc được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*).***Thông hiểu:***– Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). **(TL1.a)**– Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). **(TL1.b)*****Vận dụng:***– Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  | 2TL (1a,1b) |  |  |
| Một số yếu tố xác suất | ***Nhận biết:*** –Làm quen với mô hìnhxác suấttrong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...). ***Thông hiểu:*** – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. **(TN11,12)*****Vận dụng:*** – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  | 2TN (11;12) |  |  |

**C. ĐỀ**

**Phần 1. Trắc nghiệm khách quan *(3 điểm)***

**Câu 1.** Số nào sau đây là phân số.

A.  B. C.  D. 

**Câu 2.** Số đối của phân số là số nào.

A.  B.  C.  D. 

**Câu 3.** Số nào sau đây nhỏ hơn 12,635.

A. 12,715 B. 12,645 C. 12,628 D. 12,652

**Câu 4.** Số nào sau đây lớn hơn .

A.  B.  C.  D. 

**Câu 5.** Số thập phân nào sau đây bé hơn 0.

A. 7,25 B. 10,5 C. 0,75 D. 

**Câu 6.** Số đối của 15,27 là.

A. 15,72 B. 51,27 C.  D. 

**Câu 7.** Làm tròn số 9,8562 đến hàng phần mười ta được kết quả là số nào?

1. 9,84 B. 10 C. 9,9 D. 9,8

**Câu 8.** Làm tròn số 7 157 236 đến hàng nghìn, ta được số.

A. 7 000 000 B. 7 100 000 C. 7 150 000 D. 7 157 000

**Câu 9.** Hình vẽ nào là đoạn thẳng *AB*?

A. B.

C. D.

**Câu 10.** Cho hình vẽ bên dưới



Độ dài đoạn thẳng MN là bao nhiêu?

A. 4cm B. 6cm C. 5cm D. 3cm

**Câu 11:** Nếu gieo một con xúc sắc 20 lần liên tiếp, có 3 lần xuất hiện mặt 1 chấm thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 1 chấm bằng bao nhiêu.

A.  B.  C.  D. 

**Câu 12.** Gieo một con xúc xắc 6 mặt 100 lần ta được kết quả như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mặt | 1 chấm | 2 chấm | 3 chấm | 4 chấm | 5 chấm | 6 chấm |
| Số lần xuất hiện | 17 | 18 | 15 | 14 | 16 | 20 |

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt 1 chấm trong 100 lần gieo trên

A.  B. . C.  D. 

**Phần 2. Tự luận *(7 điểm)***

**Câu 1:** *(1,0 điểm)* Một cửa hàng bán ô tô thống kê số lượng ô tô bán được trong bốn quý năm 2021 được kết quả như sau:



a) Quý 2 cửa hàng bán được bao nhiêu xe?

b) Tính tỉ số phần trăm số xe bán ra trong quý 2 và tổng số xe cửa hàng bán được trong năm 2021 *( làm tròn đến hàng phần trăm).*

**Câu 2:** *(1,0 điểm)* Viết các số sau theo thứ tự tăng dần

a)  b) 

**Câu 3:** *(2,0 điểm)* Lớp 6A có 40 học sinh, số học sinh giỏi chiếm 25% số học sinh cả lớp. Số học sinh trung bình bằng số học sinh giỏi. Còn lại là học sinh khá.

a) Tính số học sinh mỗi loại của lớp.

b) Tính tỉ số phần trăm của học sinh khá so với học sinh cả lớp.

**Câu 4.** *(1,5 điểm)* Quan sát hình bên

**** a) Viết ba tia gốc A.

 b) Viết hai tia trùng nhau gốc B.

c) Viết hai tia đối nhau gốc A.

**Câu 5.** *(1,0 điểm)* Đọc, viết, chỉ ra đỉnh, cạnh của hai góc có trong hình vẽ sau:

**Câu 6:** *(0,5 điểm)*Rút gọn biểu thức

****

**D. ĐÁP ÁN**

**I.Trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| **Đáp án** | A | A | C | D | D | C | C | D | A | A | C | A |

**II. Tự luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Gợi ý chấm** | **Điểm** |
| **1** | a) Quý 2 cửa hàng bán được 40 xe | 0,5 |
| b) Tỉ số phần trăm số xe bán ra trong quý 2 và tổng số xe cửa hàng bán được trong năm 2021 là: | 0,250,25 |
| **2** | a)  | 0,5 |
| b)  | 0,5 |
| **3** | a) Số học sinh giỏi là:  (học sinh)Số học sinh trung bình là:  (học sinh)Số học sinh khá là:  (học sinh) | 0,50,50,5 |
| b) Tỉ số phần trăm của học sinh khá so với học sinh cả lớp là: | 0,250,25 |
| **4** | a) Ba tia gốc A là: Ax, AB, Ay | 0,5 |
| b) Hai tia trùng nhau gốc B là: Bx và BA | 0,5 |
| c) Hai tia đối nhau gốc A là: Ax và Ay | 0,5 |
| **5** | 1. Đọc: Góc xIyViết: Đỉnh: ICạnh: Ix, Iy2.Đọc: Góc yKzViết: Đỉnh: KCạnh: Ky, Kz | 0,50,5 |
| **6** |  | 0,250,25 |

***Chú ý: Nếu học sinh có cách giải khác đúng thì vẫn cho điểm tối đa.***

|  |
| --- |
| **DUYỆT ĐỀ**Ngày ...... tháng ...... năm 2024 |
| **Tổ trưởng CM****Trần Thanh Trung** |  | **GV ra đề****Lê Viết Khởi** |
| **Phó hiệu trưởng** |